

CỔ VẬT VIỆT NAM

TÌM HIỂU CỔ VẬT ĐỒNG BẰNG CỬU LONG (Tiếp theo)

Phạm Hy Tùng Bách*

LTS: Nền văn hóa Óc Eo gắn liền với lịch sử phát triển vùng đồng bằng châu thổ hạ lưu sông Mêkông vào những thế kỷ đầu Công nguyên. Những di tích của nền văn hóa này được biết đến từ sau cuộc khai quật của nhà khảo cổ học người Pháp L. Malleret vào năm 1944 tại cánh đồng Óc Eo (xã Vọng Thê, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang). Từ đó đến nay, nền văn hóa Óc Eo và vương quốc Phù Nam được nhiều học giả trong lẫn ngoài nước quan tâm nghiên cứu, tuy vậy vẫn còn nhiều vấn đề tranh cãi, nhiều luận điểm trái chiều chưa ngã ngũ. Để góp thêm một cách nhìn, từ số 2 (67). 2008, tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển* khởi đăng loạt bài của tác giả Phạm Hy Tùng Bách, dưới tiêu đề chung “*Tìm hiểu cổ vật đồng bằng Cửu Long*”.

PHẦN III: CỔ VẬT CHẠM, KHẮC

Bài 6: ĐỒ NGỌC, THỦY TINH, ĐỒ BẰNG ĐÁ BÁN QUÝ

Từ lâu, các nhà nghiên cứu mỹ thuật thế giới vẫn chưa có sự nhất trí khi đánh giá về hội họa và điêu khắc, bộ môn nào ra đời trước trong tiến trình lịch sử văn minh nhân loại. Nhưng họ đồng thuận ở nội dung: mỗi dân tộc trên thế giới đều có những thành tựu riêng về mỹ thuật, song Trung Quốc được coi là *quốc họa* còn Hy Lạp, La Mã đạt tột đỉnh về điêu khắc (cả kiến trúc) và hào quang của văn hóa Hy-La bao trùm khắp châu Âu và ảnh hưởng sâu đậm vào Ấn Độ từ thời cổ đại.

Hiện chưa có bằng cứ vững chắc về việc người Hy Lạp hay La Mã từng đặt chân đến đồng bằng Cửu Long vào những năm trước và đầu Công nguyên mặc dù tiền tệ của họ “ấn hành” vào giai đoạn đầu đã hiện diện tại nơi này. Song, thời kỳ đó do chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn hóa Ấn Độ nên vùng đất phía nam của Việt Nam ta đương nhiên được hấp thụ cả tinh hoa của mỹ thuật Ấn-Hy.

Kiến trúc và điêu khắc không tách rời nhau nhưng điều kiện thổ nhưỡng vùng tứ giác Long Xuyên không cho phép dựng lên những công trình kỳ vĩ, tuy thế, điều mà các sử gia nhà Lương bên Trung Hoa truyền tụng rằng cư dân Phù Nam xưa “chạm khắc rất khéo léo” cũng chẳng ngoa. Bởi vì không kể đến các cổ vật chạm khắc thu thập được qua các cuộc khai quật do nhà nước thực hiện thì thị trường cổ vật trôi nổi mấy chục năm qua đã cung cấp cho sưu tập tư nhân nhiều tác phẩm độc đáo chưa có tài liệu chính thức nào nói tới và chúng như những chứng nhân lịch sử cho ta hiểu rằng vào những

* Thành phố Hồ Chí Minh.

thế kỷ đầu Công nguyên là muộn nhất, vùng tụ cư đồng bằng Cửu Long đã có sức hút mạnh mẽ hấp dẫn thương nhân từ các nơi xa xôi và sản phẩm mang đặc trưng của văn hóa nước họ cũng đã hiện diện tại nơi đây.

Các bài viết trong phần này xin giới thiệu một số cổ vật chạm, khắc khác lạ nói trên, đồng thời đưa ra một số ý kiến mới.

1. Đồ ngọc

a. Rồng ngọc thời nhà Chu (841 - 256 trước Công nguyên)

Vào năm 1998 nhà buôn cổ vật giải nghệ N.C.P (TP Hồ Chí Minh) bán cho người viết 5 con rồng bằng bạch ngọc với giá tiền bằng vài bữa quà sáng. Ông ta khẳng định mua được ở Tiền Giang và "... chúng là đồ vớt dưới sông, phải chi là ngọc đời Hán thì giá trị lắm...".

Ảnh 1 là 5 con rồng bằng ngọc kể trên. Cách đây 3 - 4.000 năm văn hóa Phùng Nguyên (Bắc Bộ) đã có những công xưởng chế tạo đồ trang sức bằng loại đá ngọc Nephrite. Loại đá ngọc này có màu xanh nhạt hoặc trắng ngà với đặc trưng là mỏng và nhẹ, nổi tiếng nhất là ở di chỉ Tràng Kênh (Hải Phòng). Đến giai đoạn văn hóa Đông Sơn người xưa khai thác được đá ngọc đẹp hơn nhưng vẫn mang những đặc trưng vừa nói. Khảo sát độ cứng, nếu không dùng đến thiết bị hiện đại người ta căn cứ vào trọng lượng riêng và âm thanh của phiến ngọc phát ra khi lấy vật cứng gõ vào nó. Trọng lượng riêng càng cao, âm thanh càng trong và gọn thì độ cứng của ngọc càng cao. Năm con rồng ngọc kể trên có độ trong, nặng khác hẳn đá ngọc Phùng Nguyên, mới đây được Bảo tàng Địa chất TP Hồ Chí Minh (BTĐC) xác định là "Nature Jade" và tại bán đảo Đông Dương không có mỏ loại ngọc này. Khảo sát kỹ hiện vật có mấy nhận xét sau:

- Về tạo dáng và nét khắc hoa văn những con rồng ngọc này có đầy đủ tiêu chí về đồ ngọc thời nhà Chu bên Trung Hoa mà các tài liệu *Trung Hoa mỹ thuật từ điển* (Đài Bắc, 1986) và *Mỹ thuật châu Á - quy pháp tạo hình và phong cách* (Nxb Mỹ thuật, 1995) đã chỉ ra.

- Lớp patin bao bên ngoài cả 5 hiện vật khá dày, có chỗ bị sùi. Đặc biệt nhất là hiện vật đã "trổ huyết" nghĩa là bên trong thân rồng có những gân đỏ như máu tươi. Trong kho tàng văn hóa nghệ thuật Trung Quốc, ngọc khí (đồ chế tác bằng ngọc) có lịch sử lâu đời với nhiều truyền thuyết thần bí và biến hóa xuất hiện từ thời kỳ đồ đá mới, đạt đến đỉnh cao vào thời Thương - Chu và ngọc trổ huyết



Ảnh 1: Ngọc khí chạm khắc rồng thời Chu

với những đường gân máu bên trong phần thịt là minh chứng về niên đại cổ xưa của một món ngọc khí mà cho đến nay chưa có phương pháp làm giả tạo.

- Đồng tiền dập nổi hình chim bằng đồng đỏ “dị bản” đề cập trong bài viết trước (Tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển* số 6 (71). 2008, tr.75-76) có cả chữ () mà có ý kiến cho là chữ 周 *Chu* - tuy không theo kiểu chữ mà người Trung Quốc gọi là kim văn thường viết để chỉ triều đại này vào thời bấy giờ, nhưng phải chăng có thể hy vọng đó là bằng chứng để tin rằng 5 món ngọc khí “trôi nổi” nói trên từng bị chôn vùi ở di chỉ Tiền Giang chứ không phải ở các vùng miền khác.

- Vào mấy thế kỷ đầu Công nguyên, thương nhân Trung Hoa tấp nập lui tới và họ đã “bỏ quên” tại Ốc Eo một chiếc gương đồng thời Hậu Hán để rồi L. Malleret phát hiện ra vào 1944. Sử liệu Trung Hoa lại ghi rõ vào năm 506 Lương Võ Đế mời hai nhà sư Phù Nam sang dịch kinh Phật tại mấy nơi, trong đó có địa điểm *Phù Nam quán* - tức “văn phòng đại diện” của Phù Nam tại Trung Hoa. Chẳng những vậy, năm 2005 người viết còn sưu tập một hiện vật bằng bạc (xem ảnh 2a, 2b) mặt trước dập nổi hai chữ “廣 益 *quảng ích*” (ích lợi rộng khắp) theo hàng dọc, đối xứng hai bên là hai bông hoa mai 5 cánh - loại hoa đặc trưng của đồng bằng Cửu Long. Mặt sau hiện vật để trơn.



Ảnh 2a, 2b: Mặt trước và mặt sau của “tín bài” bằng bạc

Bạc nguyên chất không bị ôxy hóa, nhưng do chôn vùi dưới đất lâu ngày nên hiện vật bị thổ nhưỡng xâm thực trở nên xám xỉn tựa như những đồng tiền hình chim bằng hợp kim bạc (Ảnh 3, bài viết kỳ trước, đã dẫn) cho phép đoán định niên đại hiện vật vào đầu Công nguyên và với nghĩa hai chữ “*quảng ích*” có thể ngờ rằng đây là một loại *tín bài*. Ngoài ra từ các nội dung kể trên khiến ta dự đoán vào đầu Công nguyên tại đồng bằng Cửu Long có thể đã có cả người Hoa sống chung với cộng đồng người bản xứ vì ngoài gương đồng thời Hậu Hán mà L. Malleret đã khai quật được thì đến nay còn

có thêm ít nhất 2 hiện vật Trung Hoa nữa là tín bài này và đồng tiền hình chim đập nổi chữ *Chu* đã đề cập ở trên.

b. Rùa bằng ngọc

Theo truyền thuyết Hindu giáo thì Rùa (Kurma) là một trong những kiếp hóa thân của thần Vishnu để chống đỡ một cây cột có rắn thần Vasuki khuấy biển sữa tạo nên sự sáng tạo trên cõi đời.

Ảnh 3 là một con rùa có những đường khắc trên mai được BTĐC giám định chất liệu là ngọc (Nature Jade), phía dưới yếm sát bụng có tạo rãnh để làm vật đeo. Bảo tàng Lịch sử Việt Nam tại TP Hồ Chí Minh hiện đang lưu giữ một con rùa bằng mã não, mang mã số đăng ký 4453 (số mới). Hiện vật này cũng do L. Malleret khai quật và cũng là vật đeo vì phần dưới cổ rùa được khoan một lỗ nhỏ theo chiều ngang, nhưng trên mai rùa không có vạch khắc.



Ảnh 3: Rùa bằng ngọc (vật đeo)

2. Đồ thủy tinh

Cổ vật bằng thủy tinh tìm thấy hầu hết là đồ trang sức, trong đó đa phần là hạt chuỗi màu sắc khác nhau, tạo dáng cũng nhiều vẻ, nhưng đặc biệt hơn cả là mấy loại dưới đây.

a. Hạt chuỗi chạm hình gà

Ảnh 4a, 4b là hai mặt của một hạt chuỗi còn khá nguyên vẹn. Tác phẩm của L. Malleret *L'archéologie du Delta du Mékong*, Tome Troisième - La Culture du Fou-Nan, Paris, 1962 trang 44, 45 cũng in hình ảnh 5 hiện vật loại này nhưng đều là mảnh vỡ và ông giải thích một mặt được vẽ hình con gà, mặt kia vẽ hoa.



Ảnh 4a: Mặt trước của hạt chuỗi thủy tinh màu đen chạm hình gà.



Ảnh 4b: Mặt sau của hạt chuỗi chạm hoa.

Đây là dạng hạt chuỗi có lỗ, thủy tinh màu đen, kết quả giám định gần đây của BTĐC cho biết loại thủy tinh này có độ cứng 4,5. Dùng kính phóng đại soi kỹ nhận ra rằng không phải hiện vật được vẽ hoa văn mà những đường “vẽ” ấy là những nét khắc, sau đó được lấp lại bằng chất liệu gì đó có màu trắng ngà nổi bật trên nền đen và độ cứng của chất liệu trám lấp này là 3, tạo cho hiện vật có tỷ trọng chung là 2,3.

b. Khuyên tai hai đầu thú

Loại hình này khá phổ biến ở vùng văn hóa Sa Huỳnh (Quảng Ngãi) với các chất liệu đá ngọc và thủy tinh, tại mộ chum của văn hóa Đông Sơn cũng có nhưng hiếm hơn. Khuyên tai hai đầu thú bằng thủy tinh thường có màu xanh lục đậm hay nhạt, tuy rằng do đúc mà ra nhưng sản phẩm vẫn được chạm khắc để hoàn thiện chi tiết hình hài. Năm 1999 tại Giồng Cá Vồ (huyện Cần Giờ, TP Hồ Chí Minh) cũng khai quật được loại khuyên tai này và nhiều người cho rằng di chỉ Cần Giờ là địa điểm cách xa di chỉ Sa Huỳnh nhất về phía nam, có thể có loại khuyên tai này.

Ảnh 5 là 3 chiếc khuyên tai hai đầu thú bằng thủy tinh màu xanh lục, đậm và cho dù người viết đã dò hỏi nhiều cách, người bán trước sau vẫn khẳng định họ mua được của dân đào đãi ở Rạch Giá.



Ảnh 5: Ba chiếc khuyên tai hai đầu thú bằng thủy tinh màu xanh lục

c. Vòng đeo tay hai đầu rắn

Nói chung các công trình của các nhà khảo cổ học Việt Nam khi thống kê lại hiện vật do L. Malleret khai quật trước 1945 đều không nói đến loại hình vòng đeo tay bằng thủy tinh mà chỉ nhắc đến loại cổ vật này được khai quật sau 1975, bao gồm 2 chiếc nguyên vẹn, 10 mảnh vỡ và chúng có màu xanh lục đậm hoặc nhạt. Những vòng và mảnh này có tiết diện hình tròn, hình bán cầu và hình tam giác.

Ảnh 6a, 6b dưới đây là chiếc vòng đeo tay, người bán ra khẳng định là họ mua được tại Ba Thê, An Giang. Hiện vật có mấy đặc điểm nổi bật dưới đây.

- Màu sắc: màu lam sẫm.
- Tạo dáng: chạm khắc hai đầu rắn.
- Tiết diện: hình bán cầu.

Từ trước tới nay chưa có bất cứ tài liệu nào nói về khuyên tai hai đầu thú hay vòng đeo tay thủy tinh có màu lam và kết quả khai quật khảo cổ học ở Việt Nam từ trước đến nay cũng chưa bao giờ thu lượm được cổ vật có hình tượng hai đầu rắn bằng bất cứ chất liệu nào. Có lẽ đây là tình trạng chung của các quốc gia khác ở khắp Đông Nam Á. Năm 1924 và vài năm tiếp theo

khi khai quật tại Mohenjo Daro (nay thuộc lãnh thổ Pakistan) người ta thu được một *con dấu hai đầu rắn* chế tạo từ đá và từ đó đến nay, mọi công trình nghiên cứu nói đến văn minh Ấn Độ cổ đại đều nhắc đến vài con dấu đặc biệt nhất, trong đó có *con dấu hai đầu rắn* niên đại 5.000 năm tuổi này. Nó được ngợi ca như vậy có lẽ vì đó là biểu tượng tối cổ của người Ấn, tức tộc người Naga thờ rắn. Về sau này sử thi Ấn Độ gọi là rắn thần Naga.



Ảnh 6a, 6b: Vòng đeo tay bằng thủy tinh màu lam chạm khắc hai đầu rắn

Gần đây giáo sư Lương Ninh cho biết các nhà thạch học Nhật Bản sau một thời gian nghiên cứu đã đi đến kết luận chất liệu thủy tinh của các đồ trang sức bằng thủy tinh kể trên là của vùng Tây Á. Nhưng tại di chỉ Giồng Cá Vồ đã nhắc ở trên, khi khai quật đã tìm được một chiếc khuyên tai hai đầu thú bằng thủy tinh xanh lục nằm yên vị trên gò má một sọ người. Bằng chứng khảo cổ học quý báu này cho phép người ta đưa ra kết luận, đồ trang sức thủy tinh thời xưa do cư dân các vùng văn hóa Sa Huỳnh, miền Đông Nam Bộ hay có thể cả ở đồng bằng Cửu Long nữa, làm ra không chỉ cho gia công xuất khẩu mà còn để sử dụng tại chỗ. Một vấn đề nữa là các đồ trang sức thủy tinh ấy được các nhà khảo cổ học ghi nhận niên đại cách đây hơn 2.000 năm. Thế thì việc đồng bằng Cửu Long từng lưu giữ *chiếc vòng thủy tinh màu lam hai đầu rắn hết sức độc đáo* đã củng cố lòng tin rằng vào thời kỳ “tiền Óc Eo” cư dân vùng đất này đã rất văn minh rồi, chứ chẳng phải là tổ chức xã hội bầy đàn như người ta hình dung khi đọc đoạn sử Trung Hoa nói về thủy tổ Liễu Diệp ở trường. Điều này nhắc nhở khi tham chiếu cổ sử của họ cần lưu ý đến vấn đề - xét về phạm trù xã hội học, họ thường có tinh thần Đại Hán, luôn coi lân bang là phen dậu nên rất quen dùng ngôn từ, hình ảnh thậm xưng khi nói đến một sự việc hay sự kiện nào đó để hạ thấp đối tượng.

3. Con dấu bằng đá bán quý - lại vấn đề tên gọi

Tại đồng bằng Cửu Long kết quả khai quật từ năm 1944 đến cuối thập niên 1990 đã khiến các nhà khảo cổ học Việt Nam, tiếp đó một số nhà khảo cổ học ngoại quốc vui mừng thấy vùng văn hóa mình nghiên cứu có những di vật giống như Ấn Độ xưa kia. Họ nhận định như sau:

- “... Trong văn hóa Óc Eo, con dấu là loại di vật độc đáo... cho đến nay loại di vật này mới chỉ phát hiện được 22 cái, được làm bằng kim loại và đá quý. Trên bề mặt “đóng dấu” được chạm khắc hình người, hình động vật, chữ cổ ở dạng lõm. Điều đó chứng tỏ chúng được dùng để “đóng” lên bề mặt của một số chất ở dạng sắp đông đặc hay còn ướt như chì, thiếc, xi, sáp, đất sét... những con dấu hiện có đa dạng và phong phú, dựa vào hình dạng có thể phân làm 6 loại: Loại con dấu nhìn ngang có dạng nón giáp La Mã hay nón lính cứu hỏa... hai bên cong lồi... gần đỉnh có lỗ xuyên ngang, mặt đóng dấu hình bầu dục... Loại con dấu có thân nhìn ngang như nón cối, có cái bằng đồng, có cái bằng hợp kim thiếc. Loại con dấu có thân nhìn ngang hay nhìn thẳng đều có hình bệ thờ Linga... được làm bằng chì, chì thiếc, kích thước cao 1,7cm, bề mặt rộng từ 1,5cm đến 2,5cm. Loại con dấu có hình mặt nhân bằng mã não màu cam... Loại con dấu nhỏ mặt hình chữ nhật... bằng mã não... có thể đây là con dấu nhỏ được gắn vào mặt nhân... Loại con dấu làm bằng đất nung, có 2 cái...”⁽¹⁾

Sau đoạn mô tả kể trên, các tác giả không quên bôi mực lên “...mặt đóng dấu...” rồi “đóng” lên giấy để minh họa.

- Ảnh 7 dưới đây chụp lại từ cuốn sách xuất bản tại Singapore năm 2008 là một trong số các “con dấu” kể trên khắc lõm hình bò Nandi (vật cưỡi của thần Shiva). Tác giả bài viết Pierre-Yves Maguin là chuyên gia Viện Viễn Đông bác cổ Pháp ghi chú như sau : “*Seal with Engraved Nandi - Rock Crystal, Oc Eo period, 3rd - 5th century CE Excavated by Louis Malleret at My Lam site, An Giang province, Mekong delta, H1.5, W2.5cm, 2257 Museum of Vietnamese History, HCMC. Similar published pieces: Illustrated in Le, Dao and Vo 1995: 334*” (Dấu khắc hình Nandi – Tinh thể đá, thời kỳ Óc Eo, thế kỷ 3 đến 5 sau Công nguyên do L. Malleret khai quật tại di chỉ Mỹ Lâm, tỉnh An Giang. Cao 1,5cm ngang 2,5cm trữ tại BTLSVN tại TP Hồ Chí Minh mã



Ảnh 7: Viên đá thạch anh khắc lõm bò Nandi do L. Malleret khai quật (1944) tại An Giang hiện do BTLSVN-TPHCM lưu giữ.

số 2257, những hiện vật tương tự đã được công bố trong các bài viết của các ông Lê, Đào, Võ).⁽²⁾

(*Lưu ý*: “... bài viết của các ông Lê, Đào, Võ” là bài viết chung của giáo sư Lê Xuân Diệm, các tiến sĩ Đào Linh Côn, Võ Sĩ Khải có đoạn văn vừa trích dẫn kể trên).

Trên đây chỉ là hai ví dụ điển hình cho thấy một thực trạng là nhiều năm qua một số kết luận khảo cổ học về hóa Ốc Eo (hay Champa, Sa Huỳnh, Đông Sơn...) của các chuyên gia khảo cổ trong nước và ngoại quốc, hễ người đi trước viết ra sao đều được người đi sau ghi nhận, chỉ thay đổi chút ít về hành văn trình bày tạo nên sự nhất quán trong kết luận khoa học về các dòng văn hóa cổ vốn được coi là hàn lâm. Tuy nhiên có thể thấy các ý kiến kể trên - trong trường hợp này là tên gọi “*con dấu*” - có lẽ cần xem xét lại, như sau:

Trước hết đọc lại *Từ điển bách khoa Việt Nam*, Tập 1 (Trung tâm biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam, Hà Nội, 1995) định nghĩa về *con dấu*: “*Vật làm bằng gỗ, kim loại... mặt dưới hình tròn, vuông, chữ nhật... theo những kích cỡ nhất định rồi được khắc chữ hoặc hình được dùng để in trên giấy tờ để làm bằng, làm tin...*” (Tr. 565). Định nghĩa này minh họa khái niệm về con dấu mà mọi người thường hiểu là:

- Nếu gọi “mặt được khắc chữ hoặc hình” là *mặt con dấu* thì mình văn và hoa văn phải được chạm (hay khắc) ngược. Tạm gọi đó là *âm bản*

- Khi bôi mực lên “bề mặt đóng dấu” rồi “đóng” lên giấy sẽ cho ra mình văn hay hoa văn *đọc được* theo đúng ý đồ của tác giả bản khắc. Tạm gọi *dấu in* ấy là *dương bản* (nhấn mạnh - PHTB).

Khái niệm sơ đẳng vừa nêu đã cung cấp cho người quan tâm mấy lý lẽ để từ đó tìm ra bằng chứng minh rằng các hiện vật mà các nhà khảo cổ học liệt kê (ở chú thích 1 và 2) gọi tên là “*con dấu*” có thể không đúng, như dưới đây:

(*Xin lưu ý*: trong bài viết này chỉ đề cập đến những “con dấu” *chạm khắc hoa văn mà thôi*)

a. Vài lý lẽ

- Các “con dấu” ấy đều có kích thước rất nhỏ, hoa văn được khắc lõm rất chi tiết, có đường nét chỉ một vài phần của 1 milimét, nếu “đóng” lên các chất liệu xi, sáp, đất sét sẽ cho ra sản phẩm mảnh mai, thì không rõ người xưa bảo quản các sản phẩm rất dễ vỡ ấy ra sao và sử dụng vào việc gì, để thờ cúng hay làm đồ chơi cho trẻ nhỏ?

- Khối hình học của nhiều “con dấu” có dạng “*nón giáp La Mã, nón lính cứu hỏa, nón cối*” với độ cao 1,7cm... chắc chắn rất khó cầm nắm để “đóng”. Còn nếu khối hình học như bệ thờ Linga chỉ cao dưới 1cm càng khó hơn. Vậy tại sao người xưa không làm cán cho các “con dấu” này để sử dụng thuận tiện?

- Nhiệt độ nóng chảy của chì hay xi trên dưới 300°C, nếu “con dấu” làm bằng hợp kim chì thiếc, mã nã... tinh thể đá thì liệu có bị biến dạng, hư hỏng khi

“đóng lên bề mặt của một số chất (nóng chảy) sắp đông đặc như chì, thiếc...” hay không?

Tóm lại chức năng của các hiện vật trên để “đóng” dấu như giải thích của các nhà khảo cổ học là bất khả thi, và chẳng nếu thực hiện được thì tên gọi của chúng không phải là “con dấu” mà phải gọi là “*khuôn*” (nhấn mạnh - PHTB) mới đúng.

b. Vật chứng

Trong quá trình sưu tập người viết đã lưu giữ được 3 hiện vật dưới đây:

- Ảnh 8: Bên trái là hiện vật khắc lõm hình cá (một trong những kiếp hóa thân của thần Vishnu (gọi là cá thần Matsya) được BTĐC xác định làm bằng thạch anh, độ cứng 7, tỷ trọng 2,66. Món đồ có chiều dài 1,9cm, chỗ rộng nhất 1,2cm, dày 0,37cm. Bên phải là *dấu in* của nó đóng trên giấy. Có thể dễ dàng nhận ra nghệ nhân khắc con cá trên mẫu thạch anh với đủ các chi tiết miệng cá, mang cá, vây cá và mắt cá, còn ở bản *dấu in* chỉ có *khuôn hình cá* mà thôi. Do vậy *dấu in* này không thể hiện đủ ý đồ tác giả bản khắc muốn thể hiện các chi tiết nói trên và vì thế chính hiện vật mới gọi là *duyên bản* bởi nó giúp ta “đọc” được nguyên bản các đường nét hoa văn. Từ đây kết luận, vật này được làm ra *không để đóng dấu*.



Ảnh 8: Viên thạch anh khắc lõm hình cá (bên trái)
và dấu in của nó trên giấy (bên phải)

- Ảnh 9: Bên trái là hiện vật bằng thạch anh được khắc lõm nhân vật hình người đầu dê, BTĐC xác định độ cứng và tỷ trọng như trên. Dễ dàng nhận thấy phía bên phải là *dấu in* hình khắc này chỉ thể hiện *khuôn hình nhân vật*. Còn tại hiện vật thì nghệ nhân thực hiện đủ đường nét như mắt, miệng, ngón đốt trên sừng dê, nếp váy. Do đó hiện vật là *duyên bản* cho phép người quan sát đọc được mọi chi tiết tác giả thể hiện. Theo truyền thuyết Ấn Độ người đầu dê nhưng mặc váy là thần dê cái Aja tượng trưng cho nguyên lý vô sinh của tự nhiên. Từ đây kết luận, nếu vật làm ra là con dấu thì khi đóng ra chỉ với khuôn hình như trên là thiếu chi tiết xiêm áo của vị thần này.



Ảnh 9: Thần dê cái Aja được khắc lõm trên thạch anh (bên trái) và dấu in trên giấy của hiện vật (bên phải)

- **Ảnh 10:** Bên trái là đồng tiền hợp kim bạc dập nổi hình chim và minh văn Pallava chúng ta đã khảo sát trong bài viết trước (đã dẫn), bên trái là hiện vật được khắc lõm với hoa văn và minh văn hệt như trên đồng tiền vừa kể. BTĐC xác định hiện vật là đá opal-agate, độ cứng 6,7 và tỷ trọng 2,3. Viên đá có khối hình “nón cối” với chiều dài 2cm, ngang 1,7cm, cao 0,62cm. Hiện vật này có hai đặc điểm: Hoa văn và minh văn được khắc lõm trên *đỉnh* “nón cối” thì làm sao có thể in dấu lên giấy được? Lại thêm hoa văn và minh văn khắc lõm theo đúng chiều của hoa văn và minh văn nổi trên đồng tiền bên cạnh, cho dù in dấu được trên giấy hay có thể “đóng lên chì, xi, sáp sếp đông đặc” sẽ cho ra hình chim quay ngược, minh văn “viết” ngược, tức *âm bản* thì không đọc được.



Ảnh 10: Bên trái là đồng tiền hợp kim bạc dập nổi hình chim và minh văn Pallava, bên phải là viên đá opal-agate được khắc lõm hoa văn và minh văn tương tự

- **Ảnh 11:** Là một trong số những “con dấu” của nhà sư tập L.Q.L (Quận 1, TP Hồ Chí Minh - người đang sở hữu một số tiền vàng, đồng khác lạ). Hiện vật này cũng bằng thạch anh khắc lõm hình Ganesha tay phải đang cầm bát kẹo. Theo huyền thoại Ấn Độ thì thần Ganesha là một trong

năm vị thần chính của Ấn Độ giáo là “chúa tể nhà binh” chỉ huy quân lính của thần Shiva. Nếu sử dụng vật này làm “con dấu” đóng lên giấy hay chì, sáp, xi sẽ cho ra một vị thần Ganesha cầm bát kẹo *bằng tay trái*. Điều này sẽ trái với tất cả hình ảnh vị thần “chúa tể nhà binh” thể hiện trên các bích họa, phù điêu, tượng ở các bảo tàng tại Ấn Độ, Pakistan và các nơi khác trên thế giới bởi vì sản phẩm thu được là *âm bản* tức bản ngược.

Với những chứng cứ nêu trên cho phép đưa ra nhận định: Tất cả các “con dấu” do L. Malleret khai quật... nếu được khắc lõm *hoa văn* mà thôi (nhấn mạnh để phân biệt với một loại hình gọi là phong nê khắc lõm minh văn đóng trên đất sét -

PHTB), cho dù hoa văn ấy là loài vật hay đồ vật, hoặc đề tài thảo mộc... thì rất có thể chúng đều mang ý nghĩa tôn giáo, cụ thể là Hindu đa thần giáo. Với ý nghĩa ấy và lập luận phân trên, chúng *không có khả năng* làm công năng của một con dấu thị thực (làm bằng, làm tin) cho vương quyền hay thần quyền theo đúng ý nghĩa đích thực của một con dấu. Trái lại *rất có khả năng* người xưa làm ra chúng để lưu giữ, sử dụng như một loại bùa, dù là họ khoan lỗ xuyên dây để đeo hay làm mặt nhấn hoặc cất giấu trong người hay để ở nơi thờ tự và *khó có khả năng* sử dụng vào việc làm đồ trang sức đơn thuần. Đó là nói đến trường hợp dân ngoại đạo ưa thích những tác phẩm mỹ thuật làm bằng các loại đá bán quý khi họ sống cùng đại đa số cư dân bản địa thắm nhuần Ấn Độ giáo tôn thờ vạn thần như thần gió, thần không khí, thần cây cối, cỏ hoa v.v... Vậy nếu thực sự thấy cần tìm hiểu kỹ về loại cổ vật này thì đơn vị bảo tàng nào đang quản lý chúng rất nên khảo sát lại những đường nét mảnh, nhỏ li ti được chạm khắc rất chi tiết ở đáy của vạch khắc lõm trên các hiện vật để qua đó phân biệt đúng sai trong vấn đề tên gọi.

Bản đồ địa chất Việt Nam còn chỉ rõ vùng đồng bằng Cửu Long không có những mỏ mã não, thạch anh, opal-agate hay ngọc (jade)... Do vậy có thể tin rằng thời bấy giờ tại vùng đất này đã có công xưởng gia công những vật phẩm kể trên từ nguyên liệu ngoại nhập phục vụ cho xuất khẩu và cho cả tiêu dùng tại chỗ. Tóm lại xét cho cùng các vật phẩm này đúng là một dạng phù điêu được *chạm khắc lõm*.

Một câu hỏi đặt ra - tại sao một số nhà khảo cổ học Việt Nam có sự nhầm lẫn như nói ở phần trên? Vấn đề có thể là như thế này:



Ảnh 11: Viên thạch anh hình “nón cối” khắc lõm thần Ganesha tay phải cầm bát kẹo (của nhà sưu tập L Q L, Q.1, TPHCM).

- Do bản dịch chuyển sang Việt ngữ hoặc là không chính xác hoặc là tuy có chính xác nhưng khi tra cứu đã không kỹ lưỡng. Trong tác phẩm của L. Malleret (đã dẫn) tại trang 66 chú thích về hiện vật số "... 1274 et 1273. *Empreintes et elichés de la B.N. Paris*" "Empreinte" có nghĩa là *dấu in*, *dấu vân tay*, nhưng *dấu in* L. Malleret thực hiện từ hai hiện vật mang mã số 1274, 1273 trên thạch cao đều thể hiện hai nam nhân giơ cao *tay trái* thao tác gì đó. Vậy thì *dấu in* này có thể chỉ là *âm bản* còn bản thân "con dấu" tạo ra *dấu in* này mới là *ương bản* giúp ta có thể "đọc" được hình nhân trên bản khắc ấy thao tác bằng *tay phải* là đúng cách, do đó hiện vật không có chức năng đóng dấu.

Để rõ hơn, xin đưa ra một ví dụ rất phổ biến là một nhà nghiên cứu Hán Nôm chỉ có thể đọc được *bản rập* một văn bia nào đó, chứ không thể đọc *dấu in* của văn bia khi người ta bôi mực vào mặt bia để in *dấu* trên giấy vì chữ bị ngược. Đăng ký xe gắn máy cần phải "cà" số máy số khung tức phải tạo *bản rập* chứ không phải bê cỗ máy có khắc lõm các ký hiệu rồi in *dấu* ra giấy. Vậy nên hiện vật 1274, 1273 của L. Malleret và cỗ máy hay tấm văn bia vừa nói có các hoa văn hay minh văn khắc lõm không thể là những con dấu.

- Một nguồn cơn nữa rất có thể là vấn đề sau: Hơn 2.000 "con dấu" khai quật tại di chỉ Mohenjo Daro thuộc thung lũng Indus vào năm 1924 nhưng hơn 60 năm sau các nhà khoa học Liên Xô, Phần Lan, Đan Mạch phải nhờ đến thiết bị điện tử mới đưa ra được kết luận ban đầu là những chữ tượng hình khắc lõm trên một số hiện vật thuộc nhóm ngôn ngữ Dravidian III, tức nhóm thổ dân Ấn Độ 5.000 năm về trước. Sơ khởi chỉ là những thông tin chung chung như vậy, còn thì cho đến nay chưa ai và chưa máy tính điện tử nào đọc được văn tự này. Và chừng nào chưa xác định được những văn tự trên mặt đóng của các hiện vật này là chữ viết ngược tức *âm bản* thì chưa thể gọi chúng là con dấu.

Ảnh 12a, 12b dưới đây chụp lại một trang sách nói về mỹ thuật Ấn Độ. Hiện vật 12a được các nhà khảo cổ học châu Âu gọi là "con dấu" (hiện được tàng trữ tại bảo tàng Calcuta, Ấn Độ), hiện vật 12b được ghi chú là *dấu in* của nó trên thạch cao. Gọi là *dấu in* thì không sai, nhưng hiện vật bằng chất liệu đá steatet có màu xanh xám này kích thước mỗi cạnh 3,2cm với chiều cao chỉ 1,9cm, các hoa văn và minh văn được khắc lõm cho ra *dấu in* trên thạch cao 12b, nếu cứ theo cách gọi tên của các học giả châu Âu là "con dấu" là không ổn. Có lẽ nó được tạo ra để làm bùa đeo hộ thân hay cất giữ yểm tà. Nếu điều này đúng cũng có nghĩa đã mở ra được cánh cửa của một gian trưng bày lớn đã bị khóa kín gần một thế kỷ qua, trong đó là một loại hình mỹ thuật khác của văn minh nhân loại. Chúng không phải là dạng phù điêu *chạm khắc nổi* thường thấy, mà là được *điều khắc lõm* của văn hóa Indus có từ 5 thiên niên kỷ trước và sau đó là của văn hóa Oc Eo với niên đại trên dưới 2.000 năm tuổi. Có khác chăng là ở chỗ cư dân đồng bằng Cửu Long nhiều khi thực hiện tác phẩm của mình trên những chất liệu quý giá hơn so với Mohenjo Daro là sa thạch, mã não, opal-agate...



Ảnh 12a: “Con dấu” khắc lõm trên đá tìm thấy ở Mohenjo Daro năm 1924



Ảnh 12b: “Dấu in” trên thạch cao của hiện vật 12a

Những kiến giải trong bài này của người viết - chỉ là người sưu tập bình thường - nếu sai sót xin được chỉ giáo. Tuy nhiên không phải cứ những điều người châu Âu phát ngôn ra là chân lý. Bộ óc lớn mắc sai lầm vặt là chuyện thường. Giai thoại về “đăng trí Newton” hay nhầm lẫn về “bouteille” của L. Marellet là những ví dụ điển hình.

Thang 1/2009

P H T B

(Kỳ sau: Về một số tượng người bằng chì và bằng đồng)

CHÚ THÍCH

- (1) Lê Xuân Diệm, Đào Linh Côn, Võ Sĩ Khải. *Văn hóa Óc Eo những khám phá mới*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995 (Tr. 331 - 333).
- (2) Pierre - Yves Maguin. *Funan and Archaeology of the Mekong river delta - Seal with Engraved Nandi*, Singapore, 2008 (Page 59).
- (3) Rov C Craven. *Mỹ thuật Ấn Độ*, Nxb Mỹ thuật, 2005 (Tr.17).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Tìm hiểu văn hóa Phùng Nguyên*, Sở Văn hóa-Thông tin tỉnh Phú Thọ, 2001.
2. *Một thế kỷ khảo cổ học Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2004.
3. *Khảo cổ học Việt Nam - Tập 1* (Hà Văn Tấn chủ biên), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998.
4. *Theo dấu các văn hóa cổ*. Hà Văn Tấn, Nxb Khoa học xã hội, 2003.
5. *Di tích khảo cổ học Cát Tiên*, Kỷ yếu hội thảo khoa học, Lâm Đồng, 2001.
6. *Lịch sử triết học Ấn Độ cổ đại*. Doãn Chính, Nxb Thanh niên, 1999.
7. *Ấn Độ qua các thời đại*. Nguyễn Thừa Hỷ, Nxb Giáo dục, 1986.
8. *Bách khoa thư văn hóa cổ điển Trung Quốc*. Nguyễn Tôn Nhan, Nxb VHTT, 2002.
9. *Mười tôn giáo lớn trên thế giới*, Nxb Chính trị Quốc gia, 2003.
10. *Ấn Độ huyền bí*. Paul Brunton, Nxb Văn học, 2002.
11. *Thần thoại Ấn Độ*. Wendy Doniger O'flaherty, Nxb Mỹ thuật, 2005.

TÓM TẮT

Đây là bài mở đầu của tác giả trong loạt bài viết về cổ vật chạm khắc tìm thấy tại đồng bằng Cửu Long. Trong bài viết này tác giả giới thiệu một số cổ vật bằng ngọc chạm khắc hình rồng thời Chu (841 - 256 trước CN), một “tín bài” bằng bạc, vòng thủy tinh chạm khắc hai đầu rắn, một số khuyên tai thủy tinh hai đầu thú và vài hiện vật bằng thạch anh, đá opal-agate khắc lõm hình ảnh những vật linh Hindu giáo. Qua đó tác giả đưa ra mấy ý kiến:

- Dự đoán có thể từ trước Công nguyên đã có người Trung Hoa sinh sống tại đồng bằng Cửu Long.
- Cư dân đồng bằng Cửu Long đã nhập nguyên liệu và có công xưởng chế tác đồ nữ trang bằng thủy tinh cho nhu cầu xuất khẩu và sử dụng tại chỗ.
- Chứng minh những đồ chạm khắc mà các nhà khảo cổ học gọi là *con dấu* là sai lầm mà chúng có thể là một loại *bùa chú*.

ABSTRACT

**A STUDY ON THE ANTIQUITIES IN THE MEKONG DELTA
PART THREE: SCULPTURE AND CARVING ANTIQUITIES**

ARTICLE 6: OBJECTS OF PRECIOUS STONE, GLASS AND SEMI-PRECIOUS STONE

This is the author's first writing of a series about the sculpture and carving antiquities found in the Mekong Delta. He introduces some antique objects made of precious stone with carvings of dragons that date back to the Chinese Chu dynasty (841-256 BC), a “credential tablet” of silver, glass rings with two snake's heads, some earrings with two beast's heads, and some objects made of quartz, opal-agate with engraved images of Hindu holy idols. Through these objects he puts forward his opinions:

- One can speculate that the Chinese might have put in their presence in the Mekong Delta before the Christian Era.
- The then residents of the Mekong Delta had their own factories and imported materials to produce glass jewelry for domestic use and exportation.
- There are indications that the objects with carvings that the archiologists have defined as seals are not truly seals. They might be a kind of amulet instead.